



TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI
KHOA: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
BỘ MÔN: NHỮNG NLCB CỦA
CN MÁC-LÊNIN

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TÊN HỌC PHẦN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

Marxist - Leninist Political Economy

Mã số: MLPE 222

Số tín chỉ:2	30 (24-6-0)			Mã học phần	MLPE 222
Số tiết: 30	Tổng: 30	LT: 24	BT: 5	TQ: 0	KT: 1
Học phần tiên quyết:	Triết học Mác – Lê nin				
Học phần học trước:	Triết học Mác – Lê nin				
Học phần song hành:	Không				
Là học phần bắt buộc cho ngành:	Tất cả các ngành				
Là học phần tự chọn cho ngành:	Không				

(Ghi chú: LT: Lý thuyết, BT: Bài tập, TQ: tham quan; KT: Kiểm tra).

1. Mục tiêu của học phần

- Trang bị cho sinh viên những tri thức căn bản, cốt lõi của môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin như: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học tiếp cận lý giải các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước cũng như hiểu đường lối chính sách của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.

- Xây dựng, củng cố niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Nội dung tóm tắt học phần

Tiếng Việt:

Học phần gồm có 6 chương những nội dung chính sau:

Chương 1: Giới thiệu khái quát sự ra đời cũng như đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Chương 2: Giới thiệu những nội dung cơ bản của Các Mác về hàng hóa, sản xuất hàng hóa, về thị trường và các quy luật của kinh tế thị trường.

Chương 3: Giới thiệu những nội dung cơ bản của Các Mác về giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy tư bản cũng như các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản.

Chương 4: Giới thiệu học thuyết của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

Chương 5: Giới thiệu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam.

Chương 6: Giới thiệu khái quát về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

Tiếng Anh:

The module consists of 6 chapters with the following main contents:

Chapter 1: Briefly introduces the birth as well as the objects, research methods and functions of Marxist - Leninist political economy.

Chapter 2: Introduces the basic contents of Marx on goods, goods production, market and the rules of market

economy.

Chapter 3: Introduces the basic contents of Marx on surplus value, capital, capital accumulation as well as forms of expression of surplus value in capitalism.

Chapter 4: Introduces Lenin's theory of monopoly capitalism and state monopoly capitalism

Chapter 5: Introduces the socialist-oriented market economy and relations of benefit in Vietnam.

Chapter 6: Gives an overview of industrialization, modernization and international economic integration in Vietnam.

3. Giáo trình, tài liệu tham khảo

Giáo trình:

- [1] Môn Kinh tế chính trị Mác – Lê nin chưa có giáo trình chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- [2] Bài giảng Kinh tế chính trị Mác – Lênin của Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin đã được Hội đồng nghiệm thu

Các tài liệu tham khảo:

- [1] Giáo trình *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.
- [2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh đất nước đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	
	Hiểu được những nội dung lý luận cơ bản về sản xuất hàng hóa, tiền tệ, giá cả, thị trường, giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, các hình thái biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	
	Ghi nhớ được các khái niệm CNH, HĐH, KTTT định hướng XHXXN, lợi ích kinh tế, các quan hệ lợi ích kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Hiểu được nội dung, phương hướng của CNH, HĐH, xây dựng KTTT định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay.	
Kỹ năng	Hình thành nên tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện những vấn đề kinh tế - xã hội và bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống của sinh viên sau khi ra trường.	
	Kỹ năng mềm: + Thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian, lập kế hoạch,... + Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.	
Thái độ	Có niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường XHCN mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn.	
	Phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp, xã hội: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ Mác - Lênin đối với sinh viên. Giáo dục tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.	
	Có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. Chấp hành tốt đường lối, chính sách,	

	pháp luật của Đảng và Nhà nước.	
--	---------------------------------	--

5. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức	Số lần	Mô tả	Thời gian	Trọng số
Chuyên cần	Điểm danh thường xuyên khi lên lớp	Sinh viên đi học đầy đủ (theo dõi qua điểm danh hàng ngày)	Thường xuyên	5%
Chuẩn bị bài	Thực hiện theo lịch trình và đề cương môn học	Sinh viên chuẩn bị bài theo nội dung chương	Diễn ra cùng với thời khóa biểu môn học	3%
Thái độ học tập tích cực	Giảng viên theo dõi thái độ học tập qua các buổi lên lớp	Sinh viên chú ý học tập, ghi chép bài vở	Diễn ra cùng thời gian với suốt môn học	2%
Bài kiểm tra trên lớp	2 lần kiểm tra	- 25 phút/bài - 2 câu tự luận làm trên giấy tại lớp.	- Sau khi kết thúc chương 3 - Sau khi kết thúc chương 5	20%
Tổng điểm quá trình				30%
Thi kết thúc học phần	1	- 60 phút - 1 bài tập và 2 câu tự luận làm bài trên giấy	Theo lịch thi của Phòng Đào tạo	70%

6. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email	Chức danh, chức vụ
1	Lê Văn Thoi	Th.S	0915531481	levanthoi@tlu.edu.vn	GVC, Phó Trưởng bộ môn
2	Nguyễn Như Quảng	Th.S	0948713468	nguyennhuquang@tlu.edu.vn	Giảng viên
3	Đào Mộng Anh	Th.S	0389354804	daoanh@tlu.edu.vn	Giảng viên

7. Nội dung, phương pháp dạy - học và đánh giá

7.1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

Nội dung	Thời gian tự học của SV (giờ)	Thời gian của học phần				
		Lý thuyết (giờ)		Thảo luận/ Tham quan (giờ)	Kiểm tra	Tổng số (giờ)
		Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)			
Phân lý thuyết						
Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH		1 tiết		0	0	1 tiết

TỔ CHỨC TRỊ MÁC – LÊNIN						
1.1. KHÁI QUÁT SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC KINH TẾ CHÍNH TRỊ		0,25				
1.1.1. Giai đoạn thứ nhất, từ thời cổ đại đến cuối thế kỷ XVIII						
1.1.2. Giai đoạn thứ hai: Từ sau thế kỷ thứ XVIII đến nay xuất hiện các lý luận kinh tế chính trị cơ bản sau						
1.2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN		0,75				
1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mács – Lênin						
1.2.1.1. Quan niệm về đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị trước Mács						
1.2.1.2. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mács – Lênin						
1.2.1.3. Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mács – Lênin						
1.2.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế chính trị Mács – Lê nin						
1.3. CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN						
1.3.1. Chức năng nhận thức	Sinh viên tự nghiên cứu					
1.3.2. Chức năng thực tiễn	Sinh viên tự nghiên cứu					
1.3.3. Chức năng tư tưởng	Sinh viên tự nghiên cứu					
1.3.4. Chức năng phương pháp luận	Sinh viên tự nghiên cứu					
CHƯƠNG 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG		6 tiết		1 tiết		7 tiết
2.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA		4 tiết				
2.1.1. Sản xuất hàng hóa		0,5 tiết				

2.1.1.1. Khái niệm sản xuất hàng hóa						
2.1.1.2. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa						
2.1.2. Hàng hóa		2 tiết				
2.1.2.1. Khái niệm hàng hóa						
2.1.2.2. Hai thuộc tính của hàng hóa						
2.1.2.3. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa						
2.1.2.4. Lượng giá trị của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa						
2.1.3. Tiền tệ		1 tiết				
2.1.3.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền	Sinh viên nghiên cứu nguồn gốc tiền tệ					
2.1.3.2. Các chức năng của tiền	Sinh viên nghiên cứu: Chức năng Phương tiện cất trữ, thanh toán, tiền tệ quốc tế.					
2.1.4. Giới thiệu một số hàng hóa đặc biệt		0,5 tiết				
2.1.4.1. Dịch vụ						
2.1.4.2. Quyền sử dụng đất đai						
2.1.4.3. Thương hiệu						
2.1.4.4. Chứng khoán, chứng quyền và một số giấy tờ có giá						
2.2. THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG		2 tiết				
2.2.1. Thị trường		1,5				
2.2.1.1. Khái niệm và vai trò của thị trường		0,25				
2.2.1.2. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường		0,25				
2.2.1.3. Một số quy luật kinh tế và quan hệ kinh tế chủ yếu của thị trường	Sinh viên tự nghiên cứu quy luật cạnh tranh	1				
2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường		0,5				
2.2.2.1. Người sản xuất	Sinh viên tự nghiên cứu					

2.2.2.2. Người tiêu dùng	Sinh viên tự nghiên cứu					
2.2.2.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường	Sinh viên tự nghiên cứu					
2.2.2.4. Nhà nước – Chủ thể đặc biệt tham gia thị trường						
CHƯƠNG 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG		6 tiết		2 tiết		8 tiết
3.1. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ CỦA CÁC MÁC		2,5				
3.1.1. Công thức lưu thông chung của tư bản và mâu thuẫn của công thức chung		1				
3.1.1.1. Công thức chung của tư bản						
3.1.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung						
3.1.2. Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản		0,5				
3.1.2.1. Hàng hoá sức lao động						
3.1.2.2. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản	Sinh viên tự nghiên cứu					
3.1.3. Sản xuất ra giá trị thặng dư						
3.1.3.1. Sự sản xuất giá trị thặng dư		1 tiết				
3.1.3.2. Tư bản bất biến và tư bản khả biến						
3.1.3.3. Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư						
3.1.3.4. Hai phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư						
3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN		0,5				
3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản						
3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy						
3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản						
3.2.3.1. Tích lũy tư bản làm cho cấu tạo hữu cơ của tư bản tăng						
3.2.3.2. Tích lũy tư bản làm tăng tích tụ và tập trung tư bản	Sinh viên tự nghiên cứu					

3.2.3.3. Quá trình tích lũy tư bản không ngừng làm tăng chênh lệch giữa thu nhập của nhà tư bản với thu nhập của người lao động cả tuyệt đối lẫn tương đối	Sinh viên tự nghiên cứu					
3.3. TUẦN HOÀN VÀ CHU CHUYỂN CỦA TƯ BẢN		0,5				
3.3.1. Tuần hoàn của tư bản						
3.3.2. Chu chuyển của tư bản						
3.4. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG		2,5				
3.4.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa và lợi nhuận		1,5				
3.4.1.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa						
3.4.1.2. Lợi nhuận (p)						
3.4.1.3. Lợi nhuận bình quân						
3.4.1.3. Lợi nhuận thương nghiệp	Sinh viên tự nghiên cứu					
3.4.2. Lợi tức cho vay	Sinh viên tự nghiên cứu					
3.4.3. Công ty cổ phần, tư bản giả và thị trường chứng khoán		1				
3.4.3.1. Công ty cổ phần						
3.4.3.2. Tư bản giả hay vốn giả						
3.4.3.3. Thị trường chứng khoán						
3.4.4. Địa tô tư bản chủ nghĩa	Sinh viên tự nghiên cứu					
Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG		3 tiết		1 tiết		4 tiết
4.1. ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG		2,0				
4.1.1. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường		0,5				

4.1.1.1. Nguyên nhân hình thành độc quyền trong nền kinh tế thị trường						
4.1.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong nền kinh tế thị trường	Sinh viên nghiên cứu đặc điểm thứ 4 và 5	1,0				
4.1.2. Cơ chế kinh tế và tác động của chủ nghĩa tư bản độc quyền		0,5				
4.1.2.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền						
4.1.2.2. Lợi nhuận độc quyền, giá cả độc quyền và quy luật lợi nhuận độc quyền cao						
4.1.2.3. Tác động của độc quyền đối với nền kinh tế	Sinh viên nghiên cứu					
4.2. ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG		1,0				
4.2.1. Lý luận của V.I. Lênin về độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường		1,0				
4.2.1.1. Nguyên nhân ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước						
4.2.1.2. Bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước						
4.2.1.3. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	Sinh viên tự nghiên cứu					
4.2.2. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản	Sinh viên tự nghiên cứu					
4.2.2.1. Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản						
4.2.2.2. Những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản						
4.2.2.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản						
Chương 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN VÀ QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM		4 tiết				4 tiết
5.1. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN		2,5 tiết				
5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam		0,25				

5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam		0,25				
5.1.3. Đặc trưng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam		1				
5.1.3.1. Mục tiêu						
5.1.3.2. Quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế						
5.1.3.3. Gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội						
5.1.3.4. Quan hệ về phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa						
5.1.3.5. Về quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa						
5.1.4. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam		1,0				
5.1.4.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam						
5.1.4.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam						
5.2. CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH Ở VIỆT NAM		1,5				
5.2.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế		1,25				
5.2.1.1. Lợi ích kinh tế và vai trò của lợi ích kinh tế đối với các chủ thể kinh tế - xã hội						
5.2.1.2. Quan hệ lợi ích kinh tế và một số quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường						
5.2.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các lợi ích		0,25				
5.2.2.1. Bảo đảm lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế						
5.2.2.2. Điều hòa lợi ích giữa cá nhân – doanh nghiệp – xã hội						

5.2.2.3. Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển xã hội						
5.2.2.4. Giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế						
Chương 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM		4 tiết		1 tiết		5 tiết
6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM		2,5 tiết				
6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và 0,5 công nghiệp hóa		0,5				
6.1.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp						
6.1.1.2. Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới	Sinh viên nghiên cứu phần Các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới					
6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam		2				
6.1.2.1. Tính tất yếu của CNH, HĐH ở Việt Nam		0,25				
6.1.2.2. Nội dung CNH, HĐH ở Việt Nam		0,75				
6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư		0,5				
6.1.3.1. Quan điểm của Đảng về CNH, HĐH ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Sinh viên tự nghiên cứu					
6.1.3.2. CNH, HĐH ở Việt Nam thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư		0,5				
6.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM		1,5 tiết				
6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế		0,5				
6.2.1.1 Khái niệm và sự cần thiết khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế						
6.2.1.2. Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế						
6.2.2. Nguyên tắc hội nhập kinh tế quốc tế		0,25				
6.2.2.1. Nguyên tắc không phân biệt đối xử						

6.2.2.2. Nguyên tắc tiếp cận thị trường						
6.2.2.3. Nguyên tắc cạnh tranh công bằng						
6.2.2.4. Nguyên tắc áp dụng các hành động khẩn cấp trong trường hợp cần thiết						
6.2.2.5. Nguyên tắc ưu đãi dành cho các nước đang phát triển và chậm phát triển						
6.2.3. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam		0,75				
6.2.3.1. Tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế						
6.2.3.2. Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế						
6.2.4. Phương pháp nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam						
6.2.4.1. Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại	Sinh viên tự nghiên cứu					
6.2.4.2. Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp	Sinh viên tự nghiên cứu					
6.2.4.3. Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết quốc tế	Sinh viên tự nghiên cứu					
6.2.4.4. Hoàn thiện thể chế kinh tế	Sinh viên tự nghiên cứu					
6.2.4.5. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế	Sinh viên tự nghiên cứu					
6.2.4.6. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ của Việt Nam						
TỔNG		24		5	1	30
Định hướng nội dung phần thảo luận						
Chương 1 :				0		
Chương 2 :				1		
- Nội dung 1: Trên cơ sở nắm chắc các khái niệm hàng hóa, tiền tệ, thị trường, hướng dẫn sinh viên tìm hiểu thị trường hàng hóa Việt Nam, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam. - Nội dung 2: Giảng viên giao bài tập để sinh viên làm và nộp; giảng viên chấm và chữa bài tập						

trên lớp.						
Chương 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG				2		
- Nội dung 1: Trên cơ sở nắm vững các khái niệm của chương, giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các loại vốn và việc sản xuất giá trị gia tăng, tích lũy trong nền kinh tế thị trường hàng hóa Việt Nam. - Nội dung 2: Giảng viên giao bài tập để sinh viên làm và nộp; giảng viên chấm và chữa trên lớp.						
Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG				1		
- Nội dung 1: Trên cơ sở nắm vững các khái niệm của chương, giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các loại cạnh tranh và tác động của cạnh tranh đối với nền kinh tế thị trường hàng hóa Việt Nam, tìm hiểu vai trò chính phủ Việt Nam trong việc đảm bảo cạnh tranh lành mạnh và hạn chế mặt trái của cạnh tranh. - Nội dung 2: Giảng viên giao đề bài để nhóm sinh viên làm tiểu luận và nộp lại cho giảng viên. Giảng viên chấm bài tiểu luận, nhận xét, đánh giá bài tiểu luận và lựa chọn những bài tiêu biểu để nhóm sinh viên báo cáo trên lớp.						
Chương 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM				1		
- Nội dung 1: Giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu đường lối của Đảng và vai trò của chính phủ Việt Nam trong việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế. - Nội dung 2: Giảng viên giao đề bài để nhóm sinh viên làm tiểu luận và nộp lại cho giảng viên. Giảng viên chấm bài tiểu luận, nhận xét, đánh giá bài tiểu luận và lựa chọn những bài tiêu biểu để nhóm sinh viên báo cáo trên lớp.						
KIỂM TRA 1					0,5	
KIỂM TRA 2					0,5	
Tổng (TL + KT)				5	1	6

7.2. Nội dung, hoạt động dạy - học và đánh giá

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra chi tiết	PP giảng dạy, hoạt động dạy và học	Hoạt động đánh giá
	CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG,			

	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN			
Theo thời khóa biểu của Phòng Đào tạo	1.1. KHÁI QUÁT SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC KINH TẾ CHÍNH TRỊ	- Hiểu được quan niệm khác nhau của các trường phái kinh tế: trọng thương, trọng nông, kinh tế chính trị cổ điển Anh... về thuật ngữ kinh tế chính trị. - Hiểu được một cách khái quát sự ra đời, phát triển của môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin	- Giảng viên: + Giới thiệu đề cương môn học và các yêu cầu của môn học. + Giới thiệu sơ lược lịch sử ra đời của thuật ngữ kinh tế chính trị. + Trình bày khái quát lịch sử hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin. + Yêu cầu sinh viên nghiên cứu trước các nội dung sau: a. Quan niệm của các trường phái kinh tế về thuật ngữ kinh tế chính trị. b. Quá trình hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin. - Sinh viên: + Ghi chép các khái niệm nội dung giảng viên trình bày; + Trả lời những vấn đề mà giảng viên nêu ra; + Trao đổi cùng giảng viên những vấn đề mình chưa hiểu, hoặc cần làm rõ thêm...	+ Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên với những nội dung được yêu cầu. + Đặt các câu hỏi để đánh giá sự tiếp thu bài của sinh viên. + Đặt các câu hỏi để đánh giá sự hiểu biết của sinh viên về những vấn đề của bài giảng.
	1.2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế chính trị Mác – Lênin	- Hiểu được đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin. - Chỉ ra mục đích nghiên cứu kinh tế chính trị. Phân biệt quy luật kinh tế với chính sách kinh tế? - Hiểu được các phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị, đặc biệt hiểu được bản chất của phương pháp trừu tượng hóa	- Giảng viên: + Trình bày đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu môn kinh tế chính trị Mác – Lênin. + Đặt ra những vấn đề, câu hỏi để trao đổi cùng sinh viên. - Sinh viên: + Chuẩn bị, nghiên cứu những vấn đề mà giảng viên đã yêu cầu + Nghe, ghi những nội	

		khoa học là gì? Giải thích được vì sao nó là phương pháp đặc trưng sử dụng trong nghiên cứu kinh tế chính trị?	dung giảng viên trình bày + Trả lời những câu hỏi, những vấn đề mà giảng viên đặt ra + Nghiên cứu các tài liệu liên quan + Trao đổi với giảng viên những vấn đề chưa hiểu hoặc những vấn đề mới của thực tiễn đặt ra.	
	1.3. CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN 1.3.1. Chức năng nhận thức 1.3.2. Chức năng tư tưởng 1.3.3. Chức năng thực tiễn 1.3.4. Chức năng phương pháp luận	- Sinh viên nắm được các chức năng của kinh tế chính trị	- Nội dung sinh viên tự nghiên cứu. - Trao đổi với giảng viên vấn đề chưa hiểu, hoặc vấn đề sinh viên quan tâm đến nội dung bài học.	
	CHƯƠNG 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG			
	2.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA 2.1.1. Sản xuất hàng hóa 2.1.1.1. Khái niệm sản xuất hàng hóa 2.1.1.2. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa	- Hiểu được hai điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa, đặc trưng cơ bản của sản xuất hàng hóa, phân biệt được sản xuất hàng hóa với sản xuất tự nhiên.	- Giảng viên: + Trình bày nội dung khái niệm hàng hóa. + Phân tích hai điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa - Sinh viên: Sinh viên ghi chép các nội dung trọng tâm được giảng trên lớp.	- Kiểm tra phần sinh viên chuẩn bị trước ở nhà đã giao buổi trước - Kiểm tra khả năng lĩnh hội tri thức của sinh viên trên lớp trong quá trình giảng
	2.1.2. Hàng hóa 2.1.2.1. Khái niệm hàng hóa 2.1.2.2. Hai thuộc tính của hàng hóa 2.1.2.3. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa 2.1.2.4. Lượng giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa	- Sinh viên hiểu, ghi nhớ được khái niệm hàng hóa, hiểu được sản xuất hàng hóa, thuộc tính hàng hóa, lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa; tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa -> giải thích được mâu thuẫn của nền sản xuất hàng hóa.	- Giảng viên: Trình bày nội dung: khái niệm hàng hóa, hai thuộc tính của hàng hóa, lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng. - Sinh viên: Sinh viên ghi chép các nội dung trọng tâm được giảng trên lớp.	- Kiểm tra phần sinh viên chuẩn bị trước ở nhà đã giao buổi trước - Kiểm tra khả năng lĩnh hội tri thức của sinh viên trên lớp trong quá trình giảng

	2.1.3. Tiền tệ 2.1.3.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ 2.1.3.2. Chức năng của tiền tệ	- Hiểu được các hình thái giá trị, từ đó hiểu nguồn gốc, bản chất của tiền tệ. - Hiểu được năm chức năng của tiền tệ.	- Giảng viên: Trình bày nội dung tiết giảng nguồn gốc bản chất, chức năng của tiền tệ. - Sinh viên: Sinh viên ghi chép các nội dung trọng tâm được giảng trên lớp.	- Đặt câu hỏi kiểm tra nhận thức nội dung bài giảng đối với sinh viên
	2.1.4. Giới thiệu một số loại hàng hóa đặc biệt 2.1.4.1. Dịch vụ 2.1.4.2. Quyền sử dụng đất đai 2.1.4.3. Thương hiệu 2.1.4.4. Chứng khoán, chứng quyền và một số giấy tờ có giá	- Hiểu được khái niệm dịch vụ. - Giải thích được tại sao đất đai, cổ phiếu, thương hiệu là hàng hóa đặc biệt.	- Giảng viên: Trình bày dịch vụ và các loại hàng hóa đặc biệt. - Sinh viên: Sinh viên ghi chép các nội dung trọng tâm được giảng trên lớp.	
	2.2. THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG 2.2.1. Thị trường 2.2.1.1. Thị trường và vai trò của thị trường 2.2.1.2. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường 2.2.1.3. Một số quy luật và quan hệ kinh tế chủ yếu của thị trường	- Hiểu được khái niệm thị trường, vai trò của thị trường đối với sản xuất hàng hóa. - Hiểu được khái niệm cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường. - Hiểu được các quy luật của kinh tế thị trường -> Từ đó giải thích các hiện tượng biến động của thị trường ở các thời điểm khác nhau và có ảnh hưởng như thế nào đến hành vi sản xuất và tiêu dùng.	- Giảng viên: + Giảng giải thuật ngữ thị trường, cơ chế thị trường + Giới thiệu các quy luật giá trị, cạnh tranh, cung cầu, lưu thông tiền tệ.... tác động của các quy luật kinh tế đến nền kinh tế thị trường. - Sinh viên: + Ghi nhớ bài giảng trên lớp về các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật của phép biện chứng duy vật + Lấy ví dụ về tác động của quy luật giá trị, cạnh tranh, cung cầu trong nền kinh tế thị trường để minh họa.	
	2.2.2. Các chủ thể chính tham gia thị trường 2.2.2.1. Người sản xuất 2.2.2.2. Người tiêu dùng 2.2.2.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường 2.2.2.4. Nhà nước	- Hiểu được các chủ thể chủ yếu tham gia vào kinh tế thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường.	- Giảng viên: Trình bày các chủ thể chủ yếu và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường. - Sinh viên: Sinh viên ghi chép các nội dung trọng tâm được giảng trên lớp.	
	CHƯƠNG 3: GIÁ TRỊ THẠNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG			

	3.1 HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ CỦA CÁC MẮC 3.1.1. Công thức lưu thông chung của tư bản và mâu thuẫn của công thức chung 3.1.1.1. Công thức chung của tư bản 3.1.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung 3.1.2. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản 3.1.2.1. Hàng hoá sức lao động 3.1.2.2. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản 3.1.3. Sản xuất ra giá trị thặng dư 3.1.3.1. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 3.1.3.2. Bản chất của tư bản, tư bản bất biến và tư bản khả biến 3.1.3.3. Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư 3.1.3.4. Hai phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư	- Hiểu được công thức lưu thông chung của tư bản. - Hiểu được khái niệm hàng hóa sức lao động; thuộc tính của hàng hóa sức lao động và giải thích được vì sao sức lao động là chìa khóa giải thích mâu thuẫn công thức chung của tư bản - Bản chất của giá trị thặng dư, phân biệt các khái niệm: tư bản, tư bản bất biến, tư bản khả biến. - Hiểu được tiền công trong chủ nghĩa tư bản, các hình thức trả công. - Hiểu được công thức tính tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư. - Phân biệt được hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.	- Giảng viên: + Trình bày nội dung tiết giảng: Công thức chung của tư bản. + Phân tích mâu thuẫn của công thức chung và cách giải quyết mâu thuẫn. + Làm rõ điều kiện ra đời, đặc điểm của hàng hóa sức lao động □ Yêu cầu sinh viên giải thích vì sao sức lao động là hàng hóa đặc biệt. + Phân biệt tư bản bất biến với tư bản khả biến: giống nhau, khác nhau. + Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu tiền công trong chủ nghĩa tư bản - Sinh viên: + Ghi nhớ các khái niệm cơ bản của nhận thức	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học. - Đánh giá đề cương thảo luận của sinh viên.
	3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Các nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản	- Hiểu được tích lũy tư bản. - Các nhân tố tác động làm tăng quy mô tích lũy tư bản. - Hiểu được hệ quả do tích lũy tư bản gây ra.	- Giảng viên: + Trình bày ví dụ về tích lũy. + Các nhân tố tác động quy mô tích lũy. + Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu hệ quả của tích lũy tư bản.	
	3.3. TUẦN HOÀN VÀ CHUYỂN CỦA TƯ BẢN 3.3.1. Tuần hoàn của tư bản 3.3.2. Chu chuyển của tư bản	- Hiểu và phân biệt được tuần hoàn của tư bản và chu chuyển tư bản. - Phân biệt được các loại tư bản cố định, tư bản lưu động	- Giảng viên: Giảng giải về tuần hoàn và chu chuyển của tư bản. - Sinh viên: ghi nhớ nội dung cơ bản	

	3.4. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THặng DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG			
	3.4.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa và lợi nhuận 3.4.1.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa 3.4.1.2. Lợi nhuận (p) 3.4.1.3. Lợi nhuận bình quân 3.4.1.3. Lợi nhuận thương nghiệp	-Sinh viên hiểu được các khái niệm: chi phí sản xuất TBCN, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận cũng như các nhân tố ảnh hưởng tới nó. - Phân tích sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân, chỉ rõ nguyên nhân hình thành lợi nhuận bình quân - Phân biệt được lợi nhuận với lợi nhuận thương nghiệp	- Giảng viên: + Lấy ví dụ phân tích chỉ rõ chi phí SX TBCN, phân biệt chi phí (k) với chi phí thực tế của XH. + Phân tích ví dụ sự hình thành lợi nhuận bình quân. Phân biệt được lợi nhuận với lợi nhuận bình quân và các yếu tố tác động đến nó. - Sinh viên: + Nghiên cứu trước nội dung bài giảng. Chú ý tập trung nghe, ghi chép nội dung bài giảng	
	3.4.2. Lợi tức cho vay	- Hiểu được bản chất của lợi tức và các nhân tố ảnh hưởng đến nó	- Giảng viên giảng giải nội dung. - Sinh viên ghi chép nội dung giảng dạy.	
	3.4.3. Công ty cổ phần, tư bản giả và thị trường chứng khoán 3.4.3.1. Công ty cổ phần 3.4.3.2. Tư bản giả hay vốn giả 3.4.3.3. Thị trường chứng khoán	- Hiểu thế nào là công ty cổ phần - Phân biệt được vốn thật và vốn giả, các loại vốn giả - Hiểu thị trường chứng khoán và vai trò của nó	- Giảng viên: + Giảng nội dung bài. + Lấy ví dụ công ty cổ phần, các loại vốn giả. + Ví dụ phân biệt vốn thật và vốn giả, tại sao gọi là vốn giả? - Sinh viên ghi chép nội dung giảng dạy.	
	3.4.4. Địa tô tư bản chủ nghĩa	- Hiểu được bản chất của địa tô, phân biệt được các loại địa tô		
	CHƯƠNG 4: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG		- Giảng viên: + Giới thiệu khái quát nội dung chương 4, ý nghĩa của chương. + Phương pháp sử dụng: thuyết giảng, phát vấn, nêu vấn đề... + Kỹ thuật dạy học: Bảng, phần, powerpoint. - Sinh viên: + Nghiên cứu nội dung	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học. - Đánh giá bài thảo luận của sinh

			bài học trong giáo trình và các tài liệu liên quan đến nội dung bài học. + Nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị kiến thức phát biểu trên lớp. + Củng cố kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu môn học. + Chuẩn bị đề cương thảo luận theo nội dung của bộ môn	viên.
	4.1. ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 4.1.1. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1.1.1. Nguyên nhân hình thành độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong nền kinh tế thị trường	- Sinh viên hiểu được nguyên nhân hình thành độc quyền. - Hiểu được bản chất của độc quyền, mục đích của độc quyền. - Hiểu được năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền.	- Giảng viên: + Giới thiệu các nội dung: Nguyên nhân hình thành độc quyền và các đặc điểm của độc quyền. + Phương pháp sử dụng: thuyết giảng, phát vấn, nêu vấn đề... + Kỹ thuật dạy học: bảng, phấn, powerpoint. - Sinh viên: + Đọc, nghiên cứu trước giáo trình và tài liệu liên quan nội dung bài giảng. + Nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị kiến thức, tình huống, phát biểu trên lớp: + Củng cố kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu môn học.	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học. - Đánh giá đề cương thảo luận của sinh viên.
	4.1.2. Cơ chế kinh tế và tác động của chủ nghĩa tư bản độc quyền 4.1.2.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền 4.1.2.2. Lợi nhuận độc quyền, giá cả độc quyền và quy luật lợi nhuận độc quyền cao 4.1.2.3. Tác động của độc quyền đối với nền kinh tế	- Sinh viên hiểu được quan hệ giữa cạnh tranh với độc quyền. - Hiểu được cơ chế hình thành giá cả độc quyền và quy luật lợi nhuận độc quyền cao. - Hiểu được tác động của độc quyền đối với nền kinh tế	- Giảng viên: + Giới thiệu các yêu cầu đối với nội dung bài học + Sử dụng phương pháp thuyết trình giảng giải, phát vấn, nêu vấn đề làm rõ nguyên nhân ra đời của CNTB độc quyền nhà nước, biểu hiện của nó và vai trò lịch sử của CNTB. + Kỹ thuật dạy học: bảng, phấn, trình chiếu powerpoint bài giảng. + Yêu cầu sinh viên đọc, nghiên cứu tài liệu + Phát vấn sinh viên, nêu và phân tích các nội dung.	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học. - Đánh giá đề cương thảo luận của sinh viên.

			+ Giao cho sinh viên nội dung tự nghiên cứu.	
	4.2. ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 4.2.1. Lý luận của V.I. Lênin về độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.2.1.1. Nguyên nhân ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 4.2.1.2. Bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 4.2.1.3. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	- Sinh viên hiểu được nguyên nhân ra đời và phát triển của CNTB độc quyền nhà nước. - Phân biệt được độc quyền với độc quyền nhà nước. - Hiểu được các biểu hiện cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.	- Giảng viên: + Giới thiệu các nội dung: Nguyên nhân hình thành độc quyền nhà nước và bản chất của độc quyền nhà nước. + Phương pháp sử dụng: thuyết giảng, phát vấn, nêu vấn đề... + Kỹ thuật dạy học: bảng, phần, powerpoint. - Sinh viên: + Đọc, nghiên cứu trước giáo trình và tài liệu liên quan nội dung bài giảng. + Nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị kiến thức, tình huống, phát biểu trên lớp: + Củng cố kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu môn học.	
	4.2.2. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản 4.2.2.1. Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản 4.2.2.2. Những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản 4.2.2.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản	Sinh viên hiểu được vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản, trên cơ sở đó củng cố niềm tin vào thắng lợi của chủ nghĩa xã hội	- Giảng viên: + Giới thiệu vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản + Phương pháp sử dụng: thuyết giảng, phát vấn, nêu vấn đề... + Kỹ thuật dạy học: bảng, phần, powerpoint. - Sinh viên: + Đọc, nghiên cứu trước giáo trình và tài liệu liên quan nội dung bài giảng. + Nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị kiến thức, tình huống, phát biểu trên lớp: + Củng cố kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu môn học.	
	CHƯƠNG 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM		- Giảng viên: + Giới thiệu khái quát nội dung chương 5. + Yêu cầu sinh viên nghiên cứu trước nội dung từ buổi trước.	

	5.1. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở VIỆT NAM			
	5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	- Hiểu được khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.	- Giảng viên: + Thuyết giảng nội dung các khái niệm kinh tế thị trường. + Lấy ví dụ thực tế liên hệ thực tế về nền kinh tế thị trường	Đánh giá đề cương thảo luận của sinh viên.
	5.1.2 Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	- Hiểu được tại sao phải xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	- Giảng viên: giới thiệu cho sinh viên tự nghiên cứu nội dung - Sinh viên: + Đọc giáo trình, chuẩn bị bài ở nhà. + Chú ý ghi chép các nội dung giảng dạy.	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học.
	5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt nam 5.1.3.1. Về mục tiêu phát triển 5.1.3.2. Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế 5.1.3.3. Về quan hệ quản lý nền kinh tế 5.1.3.4. Về quan hệ phân phối 5.1.3.5. Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội	- Hiểu được những đặc trưng cơ bản của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam: Mục tiêu phát triển, quan hệ sở hữu, cách thức quản lý, quan hệ phân phối...	- Giảng viên: Giới thiệu các đặc trưng của nền KTTT định hướng XHCN: mục tiêu, quan hệ sở hữu, quan hệ phân phối, quan hệ quản lý.... - Sinh viên: + Ghi nhớ nội dung bài giảng. + Trao đổi với sinh viên về mục tiêu, quan hệ sở hữu... trong nền kinh tế thị trường Việt Nam.	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học.
	5.1.4. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.4.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.4.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	- Hiểu được khái niệm thể chế, Thể chế kinh tế thị trường. - Hiểu được vì sao phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.	- Giảng viên: + Trình bày 5 nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. + Gợi ý cho sinh viên tìm hiểu quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam. - Sinh viên ghi nhớ nội dung cơ bản.	

	5.2. CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM			
	5.2.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.2.1.1. Lợi ích kinh tế 5.2.1.2. Quan hệ lợi ích kinh tế	- Hiểu được khái niệm lợi ích kinh tế. - Hiểu được quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường.	- Giảng viên: giới thiệu khái niệm lợi ích kinh tế, các quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường - Sinh viên: chú ý ghi chép các nội dung giảng dạy.	
	5.2.2. Vai trò của nhà nước trong việc đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích kinh tế 5.2.2.1. Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế 5.2.2.2. Điều hòa lợi ích giữa cá nhân, doanh nghiệp, xã hội 5.2.2.3. Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội 5.2.2.4. Giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế	- Hiểu được vai trò của nhà nước trong việc đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích. - Vận dụng tập tìm hiểu, giải thích các loại lợi ích kinh tế và xung đột các loại lợi ích trong nền kinh tế thị trường Việt Nam	- Giảng viên: + Thuyết giảng nội dung tiết giảng. + Lấy ví dụ thực tế liên hệ với môn học. + Câu hỏi thảo luận, ôn tập. - Sinh viên: + Đọc giáo trình, chuẩn bị bài ở nhà. + Trả lời các câu hỏi của giáo viên. + Giải quyết tình huống.	
	CHƯƠNG 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM		- Giới thiệu khái quát về nội dung của chương 6, ý nghĩa của chương. - Phương pháp sử dụng: thuyết giảng, phát vấn, nêu vấn đề... - Kỹ thuật dạy học: Bảng, phấn, powerpoint.	
	6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM			
	6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa 6.1.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp 6.1.1.2. Công nghiệp hóa và mô hình công nghiệp hóa trên thế giới	- Nắm được khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa. - Các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới.	- Giảng viên: giới thiệu khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới. - Sinh viên: chú ý ghi chép các nội dung giảng dạy.	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học. - Đánh giá đề cương thảo luận của sinh viên.

	6.1.2 Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.2.1. Tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.2.2. Nội dung công nghiệp hóa hiện đại hóa ở Việt Nam	- Sinh viên hiểu được vì sao Việt Nam phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa. - Hiểu được nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.	- Giảng viên: giải thích tại sao Việt Nam phải tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. - Sinh viên: chú ý ghi chép các nội dung giảng dạy.	
	6.1.3. Công nghiệp hóa hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư 6.1.3.1. Quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư 6.1.3.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	- Hiểu được quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. - Hiểu được công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	- Giảng viên: giới thiệu về công nghiệp hóa hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. - Sinh viên: chú ý ghi chép các nội dung giảng dạy.	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học. - Đánh giá bài thảo luận của sinh viên.
	6.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM			
	6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.1.1. Khái niệm và sự cần thiết khách quan hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.1.2. Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế	- Hiểu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. - Hiểu được vì sao Việt Nam cần thiết phải hội nhập kinh tế quốc tế. - Nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế.	- Giảng viên: giới thiệu khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế. - Sinh viên: chú ý ghi chép các nội dung giảng dạy.	
	6.2.2. Nguyên tắc hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2.1. Nguyên tắc không phân biệt đối xử 6.2.2.2. Nguyên tắc tiếp cận thị trường 6.2.2.3. Nguyên tắc cạnh tranh công bằng 6.2.2.4. Nguyên tắc áp dụng các hành động khẩn cấp trong trường hợp cần thiết 6.2.2.5. Nguyên tắc ưu đãi dành cho các nước đang phát triển và chậm phát triển	Sinh viên nắm được các nguyên tắc của hội nhập kinh tế quốc tế	- Giảng viên: giới thiệu 5 nguyên tắc hội nhập kinh tế quốc tế. - Sinh viên: chú ý ghi chép các nội dung giảng dạy.	

	6.2.3. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam 6.2.2.1. Tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2.2. Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế	- Phân tích được các tác động của hội nhập tích cực và tiêu cực. - Lấy ví dụ liên hệ thực tiễn tác động tích cực và tiêu cực đối với nền kinh tế Việt Nam	- Giảng viên: phân tích và lấy ví dụ về tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam. - Sinh viên: chú ý ghi chép các nội dung giảng dạy.	
	6.2.4. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển của Việt Nam 6.2.4.1. Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại 6.2.4.2. Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp 6.2.4.2. Tích cực chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế 6.2.4.4. Hoàn thiện thể chế kinh tế và luật pháp 6.2.4.5. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế 6.2.4.6. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ của Việt Nam	- Hiểu được phương hướng cơ bản nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. - Tìm hiểu các giải pháp nâng cao chất lượng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	- Giảng viên: + Trình bày các phương hướng cơ bản nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. + Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các giải pháp nâng cao chất lượng hội nhập kinh tế quốc tế. - Sinh viên: + Ghi nhớ phương hướng cơ bản nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học. - Đánh giá đề cương thảo luận của sinh viên.

8. Thông tin liên hệ

Bộ môn phụ trách:	Bộ môn Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin
Văn phòng:	Phòng 419 – Nhà A1
Điện thoại:	
Trưởng Bộ môn:	Tô Mạnh Cường/ 0983809699/ tomanhcuong@tlu.edu.vn
Email:	

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

TRƯỞNG KHOA
Khoa quản lý ngành đào tạo

TRƯỞNG KHOA
Khoa phụ trách học phần

TRƯỞNG BỘ MÔN